

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2008-2012

NGUYỄN VĨNH KHƯƠNG*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý hoạt động (QLHD) nghiên cứu khoa học (NCKH) tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM) trong những năm gần đây (2008-2012). Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả ứng dụng CNTT trong QLHD NCKH trong thời gian tới.

Từ khóa: nghiên cứu khoa học, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin.

ASBTRACT

The reality of information technology application in scientific research management at Ho Chi Minh City University of Education from 2008 to 2012

The article presents the evaluation of the reality of information technology application in scientific research management at Ho Chi Minh City University of Education in recent years (2008-2012). Based on this evaluation, some solutions are proposed to improve the effectiveness of information technology application in the management of scientific research at Ho Chi Minh City University of Education in the near future.

Keywords: scientific research, scientific research management, information technology application.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, việc điện tử hóa các hoạt động quản lý Nhà nước đang ngày càng phổ biến. Trường ĐHSPTPHCM cũng đã xác định rõ vai trò quan trọng của việc ứng dụng CNTT vào các hoạt động giáo dục, đặc biệt là công tác QLHD NCKH. Thực tiễn cho thấy công tác QLHD NCKH ở Trường ĐHSPTPHCM trong bối cảnh mới đòi hỏi phải ứng dụng hiệu quả CNTT và cần có những thay đổi cho phù hợp. Vì vậy, cần có những nghiên cứu về vấn đề ứng dụng CNTT trong QLHD

NCKH để đánh giá đúng thực trạng, đồng thời đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH tại các đơn vị của Trường. Bài viết này bước đầu tìm hiểu về thực trạng ứng dụng CNTT trong QLHD NCKH tại Trường ĐHSPTPHCM giai đoạn 2008-2012.

2. Giải quyết vấn đề

QLHD NCKH tại Trường ĐHSPTPHCM là một lĩnh vực rộng với nhiều nội dung khác nhau, như: quản lý đề tài KHCN các cấp, quản lý Tạp chí Khoa học, quản lý công tác NCKH của giảng viên (GV) và sinh viên, quản lý công tác

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

hoạt động sở hữu trí tuệ cấp cơ sở... Nghiên cứu này chỉ giới hạn trong phạm vi khảo sát thực trạng ứng dụng CNTT trong quản lý đề tài NCKH các cấp ở trường. Để khảo sát, đánh giá đúng thực trạng này, chúng tôi đã tiến hành lấy ý kiến bằng phiếu hỏi và phỏng vấn 12 cán

bộ (CB) QLHĐ NCKH của trường, 120 GV các khoa.

Kết quả nghiên cứu thể hiện ở các nội dung được trình bày dưới đây.

2.1. Đánh giá việc thực hiện những nội dung ứng dụng CNTT vào QLHĐ NCKH

Bảng 1. Đánh giá mức độ thực hiện những nội dung ứng dụng CNTT vào QLHĐ NCKH

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá					GV	CB QL
		Không HQ	Ít HQ	Hiệu quả	Khá HQ	Rất HQ		
1	Phục vụ việc đăng kí đề tài qua mạng	0	15,0	5,0	75,0	5,0	3,70	3,44
2	Phục vụ việc tra cứu, truy cập dữ liệu đề tài theo tiêu chí phân loại	0	0	5,0	75,0	20,0	4,15	3,56
3	Phục vụ việc tổng hợp, báo cáo định kì, hàng năm...	0	0	20,0	60,0	20,0	4,00	3,37
4	Phục vụ việc theo dõi, triển khai, nghiệm thu và đánh giá đề tài	0	0	20,0	65,0	15,0	3,95	3,94
5	Phục vụ việc tổng hợp, báo cáo định kì hoặc đột xuất theo một số tiêu chí lựa chọn hoặc yêu cầu của các cấp quản lí	0	0	25,0	60,0	15,0	3,90	3,81
6	Phục vụ việc cung cấp thông tin và các hoạt động NCKH cho sinh viên, GV	0	0	5,0	50,0	45,0	4,40	3,81

Bảng 1 cho thấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí (CBQL) và GV về những nội dung ứng dụng CNTT vào QLHĐ NCKH có điểm trung bình (ĐTB) từ 3,37 đến 4,40, ứng với thang điểm chuẩn mức “hiệu quả” và “khá hiệu quả”. Như vậy, những yêu cầu quan trọng và cần thiết của việc ứng dụng CNTT vào QLHĐ NCKH tại Trường ĐHSPTHCM đã được thực hiện và đảm bảo những hiệu quả nhất định. Tuy nhiên, những yêu cầu này mới chỉ được CBQL và GV đánh giá một cách chung nhất, chưa có những lí giải cụ thể và đầy đủ.

2.2. Đánh giá về trình độ ứng dụng

CNTT của cán bộ, giảng viên làm công tác QLHĐ NCKH

Tổng hợp các ý kiến trao đổi, phỏng vấn CBQL và GV cho thấy đội ngũ CB, GV làm công tác QLHĐ NCKH tại trường đều có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm làm việc lâu năm, tinh thần làm việc khá tích cực và đều đáp ứng yêu cầu về ứng dụng CNTT trong QLHĐ NCKH.

Để tìm hiểu rõ hơn về trình độ ứng dụng CNTT của CB, GV trong QLHĐ NCKH, chúng tôi khảo sát trình độ tin học bằng sự tự đánh giá của họ, kết quả được thể hiện ở bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Trình độ CNTT của CB, GV QLHD NCKH

STT	Nội dung	Mức độ					ĐTB
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	Rất tốt	
1	Tổng quan về CNTT, các máy tính và hệ điều hành thế hệ mới	0	12,5	62,5	12,5	12,5	3,25
2	Những ý tưởng và tiềm năng của chính phủ điện tử	0	12,5	56,2	31,2	0	3,19
3	Kỹ năng Microsoft Word	0	12,5	56,2	18,8	12,5	3,31
4	Kỹ năng sử dụng Microsoft Excel	0	37,5	43,8	18,8	0	2,81
5	Kỹ năng sử dụng PowerPoint	0	25,0	43,8	18,8	12,5	3,19
6	Kỹ năng sử dụng mạng nội bộ	0	12,5	56,2	31,2	0	3,19
7	Kỹ năng sử dụng mạng internet	0	18,8	43,8	25,0	12,5	3,31
7	Hiểu biết về virus máy tính và cách phòng chống	0	25,0	43,8	31,2	0	3,06
8	Hiểu biết về khai thác thông tin về giáo dục của các nước trên thế giới	0	31,2	37,5	31,2	0	3,00
9	Hiểu biết về khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục	0	1,2	37,5	31,2	0	3,00
10	Ứng dụng CNTT để kiểm tra và thu hoạch	0	25,0	43,8	31,2	3	3,06

Bảng 2 cho thấy các nội dung có ĐTB từ 2,81 đến 3,31 (ứng với thang điểm chuẩn mức khá). Hai nội dung kỹ năng Microsoft Word và kỹ năng sử dụng mạng internet có ĐTB cao nhất (3,31). Hai kỹ năng này được xem là cơ bản và cần thiết nhất trong công việc quản lý NCKH. Kế đến là nội dung tổng quan về CNTT trong thời đại ngày nay, máy tính và hệ điều hành thế hệ mới với ĐTB = 3,25. Xếp vị trí cuối cùng là kỹ năng sử dụng Microsoft Excel với ĐTB = 2,81,

ứng với thang điểm chuẩn mức khá. Các nội dung khác cũng được đánh giá với ĐTB ở mức “khá”. Như vậy, nhìn chung trình độ tin học của các CB QLHD NCKH tại trường đảm bảo yêu cầu tối thiểu của công việc, nhưng chưa đảm bảo hiệu quả cao của việc ứng dụng CNTT vào QLHD NCKH.

Khảo sát về mức độ sử dụng các hình thức trao đổi trong công việc quản lý NCKH, chúng tôi thu được kết quả như ở bảng 3 sau đây:

Bảng 3. Mức độ sử dụng các hình thức trao đổi trong công việc QLHD NCKH

STT	Hình thức	Mức độ			
		Rất ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Email	0	18,8	43,8	37,5
2	Văn bản	0	6,2	31,2	62,5
3	Điện thoại	6,2	18,8	31,2	43,8

Bảng 3 cho thấy trong 3 hình thức trao đổi công việc liên quan đến QLHD NCKH thì hình thức văn bản được sử dụng ở mức độ cao nhất. 62,5% ý kiến cho rằng trao đổi bằng văn bản là rất thường xuyên và 31,2% cho là thường xuyên. Kế đến là sử dụng email: có 81,2% ý kiến đánh giá từ mức thường xuyên trở lên. Hình thức trao đổi bằng điện thoại đứng ở vị trí cuối cùng với 75% ý kiến đánh giá mức thường xuyên trở lên. Như vậy, dù đang sống trong thời đại CNTT, nhưng hình thức trao đổi bằng

văn bản vẫn là lựa chọn hàng đầu của các CB, nhân viên trong công việc quản lí, kể đến là hình thức email và điện thoại.

Như vậy, theo kết quả khảo sát, CB và nhân viên đã sử dụng thường xuyên các hình thức CNTT trong công việc QLHD NCKH.

Một trong những vấn đề khá quan trọng liên quan đến nguồn nhân lực nhằm ứng dụng hiệu quả CNTT vào QLHD NCKH là việc nâng cao trình độ cho CB QLHD này (xem bảng 4).

Bảng 4. *Mức độ thực hiện các biện pháp nâng cao trình độ chuyên môn và tin học cho đội ngũ CB QLHD NCKH*

STT	Biện pháp	Mức độ thực hiện					ĐTB
		Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Đôi khi	Thường xuyên	Rất TX	
1	Tham gia các khóa học bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn về CNTT	0	37,5	43,8	18,8	0	2,81
2	Tham gia hội thảo về ứng dụng CNTT trong quản lí	6,2	31,2	50,0	12,5	0	2,69
3	Chế độ chính sách lương, thưởng và động viên phù hợp	0	43,8	43,8	12,5	0	2,69

Bảng 4 cho thấy các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn và tin học cho đội ngũ CB làm công tác quản lí NCKH được nhóm khách thể đánh giá với ĐTB từ 2,81 đến 2,69, ứng với thang điểm chuẩn mức “đôi khi”. Kết quả này thể hiện các biện pháp trên chưa được các cấp quản lí quan tâm tổ chức thực hiện. Mỗi CB, GV thực hiện ứng dụng CNTT vào công việc QLHD NCKH đều tự học hỏi, tự hoàn thiện nâng cao trình độ CNTT của mình.

2.3. Đánh giá về cơ sở vật chất - kĩ

thuật phục vụ ứng dụng CNTT vào QLHD NCKH

Cơ sở vật chất, máy tính và các thiết bị phụ trợ, tốc độ đường truyền internet, trang web riêng của trường... là những điều kiện cơ bản và cần thiết để ứng dụng CNTT trong quản lí, đào tạo và NCKH. Trong nhiều năm qua, Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường - Tạp chí Khoa học của Trường đã được nối mạng internet, hỗ trợ tích cực công tác quản lí các hoạt động NCKH. Hệ thống máy tính đáp ứng những công việc

cơ bản. Các phần mềm ứng dụng của Microsoft như Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft PowerPoint được sử dụng thường xuyên. Theo kết quả phỏng vấn CB QLHĐ NCKH, ưu điểm của các phần mềm này là giá rẻ, giao diện thân thiện, dễ sử dụng, xử lý, lưu trữ và phân phối thông tin cho các đơn vị. Bên cạnh những ưu điểm đó thì các phần mềm này còn một số khuyết điểm chính như sau:

- Dữ liệu không được bảo mật;
- Không có chức năng tự động hóa các quy trình lập kế hoạch và quản lý thực hiện các nhiệm vụ NCKH;
- Không có chức năng cung cấp cho người sử dụng công cụ hiệu chỉnh, sửa đổi các thông tin cần thiết theo thời gian và các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác quản lý;
- Hệ thống phần mềm không thể đáp ứng yêu cầu phát triển, mở rộng các bài toán quản lý nhiệm vụ NCKH trong tương lai.

Vấn đề đặt ra hiện nay là chưa có phần mềm chuyên dụng cho công tác QLHĐ NCKH tại Trường ĐHSPTPHCM. Với những nguyên nhân khách quan này thì công tác QLHĐ NCKH chưa có được những thuận lợi nhất định.

Những phần mềm này vẫn chưa đáp ứng hết các yêu cầu mà chỉ hỗ trợ phần nào về công sức và thời gian cho người sử dụng.

2.4. Đánh giá chung về thực trạng ứng dụng CNTT vào QLHĐ NCKH

Kết quả khảo sát và đánh giá chung thực trạng ứng dụng CNTT trong QLHĐ NCKH tại Trường ĐHSPTPHCM cho thấy, 80% ý kiến của CBQL đánh giá hiệu quả ứng dụng CNTT trong QLHĐ NCKH ở mức trung bình, 10% ý kiến đánh giá mức yếu. Kết quả này khá tin cậy, bởi vì CBQL là người trực tiếp thực hiện việc ứng dụng CNTT trong QLHĐ NCKH. Trong khi đó, đa số ý kiến GV đánh giá việc ứng dụng CNTT trong hoạt động NCKH của Trường đạt từ mức tốt đến rất tốt, trong đó mức tốt đạt đến 75,0% và mức rất tốt đạt 10%, chỉ có 15% đánh giá ở mức trung bình, không có yếu và kém. Kết quả phỏng vấn một số GV thường xuyên tham gia NCKH cho thấy phần đông GV chưa nhận thức đầy đủ những nội dung và yêu cầu ứng dụng CNTT trong QLHĐ NCKH tại Trường.

2.5. Những khó khăn trong ứng dụng CNTT vào QLHĐ NCKH (xem bảng 5)

Bảng 5. Một số khó khăn trong việc ứng dụng CNTT vào QLHĐ NCKH

STT	Những khó khăn	CBQL (%)	GV (%)
1	Trình độ tin học của CB làm công tác QLHĐ NCKH còn bất cập	50,0	60,0
2	Thiếu nhân lực cho QLHĐ NCKH	100,0	70,0
3	Thiếu kinh phí cho ứng dụng CNTT quản lý và duy tu, bảo dưỡng hệ thống thông tin quản lý	81,2	40,0
4	Cơ sở vật chất tin học còn hạn chế	93,8	90,0

5	Chưa có phần mềm đủ mạnh và tiện dụng	68,8	50,0
6	Thói quen, trình độ sử dụng tin học chưa đổi mới	43,8	60,0
7	Nhận thức chưa đầy đủ của một số CB về tính cấp thiết ứng dụng CNTT vào quản lí	43,8	30,0

Bảng 5 cho thấy CBQL, GV đều đánh giá thống nhất những khó khăn cơ bản trong việc ứng dụng CNTT vào QLHD NCKH ở trường như cơ sở vật chất tin học còn hạn chế; thiếu nhân lực cho QLHD NCKH; trình độ tin học của CB làm công tác QLHD NCKH còn bất cập; chưa có phần mềm đủ mạnh và tiện dụng... Trường ĐHSPTPHCM đã được đầu tư tương đối về cơ sở vật chất cho ứng dụng CNTT trong quản lí các hoạt động NCKH nhưng hiệu quả ứng dụng CNTT và sử dụng vẫn chưa cao. Nếu xét ở góc độ phát triển việc ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lí giáo dục trên thế giới thì Trường chỉ mới ở mức khởi đầu, với những hoạt động cơ bản như: giới thiệu thông tin NCKH trên trang Web của Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường - Tạp chí Khoa học, sử dụng internet mà hình thức chủ yếu là thư điện tử... Như vậy, tin học hóa trong QLHD NCKH cần có sự đầu tư hơn nữa và cần có những biện pháp phù hợp để có được những đột phá về lĩnh vực này trong thời gian tới.

3. Kết luận

Ứng dụng CNTT vào QLHD NCKH

tại trường ĐHSPTPHCM đã đạt được một số kết quả nhất định về các nội dung: ứng dụng CNTT vào QLHD NCKH; trình độ ứng dụng CNTT của đội ngũ CB, GV trong công tác quản lí; đảm bảo những điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất – kĩ thuật... Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT vào QLHD NCKH vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa đạt hiệu quả cao do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào QLHD NCKH của Trường ĐHSPTPHCM trong thời gian tới, theo chúng tôi, có thể áp dụng đồng bộ các biện pháp sau đây:

- Nâng cao nhận thức của CB lãnh đạo trong việc ứng dụng CNTT vào QLHD NCKH;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn và tin học cho đội ngũ CB, GV làm công tác QLHD NCKH;
- Tăng cường cơ sở vật chất CNTT và xây dựng phần mềm QLHD NCKH với tiêu chuẩn thống nhất;
- Xây dựng mối quan hệ điện tử giữa phòng NCKH với các phòng, khoa trong Trường.

Ghi chú: Bài báo trích từ kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học và công nghệ cấp Trường năm 2012, mã số: CS.2012.19.70

(Xem tiếp trang 118)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Cán sự Đảng bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Nghị quyết số 08/NQ-BCSD về phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2007 đến năm 2015*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Kiểm yếu Hội thảo “Đổi mới hoạt động khoa học công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2008-2020*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Chỉ thị số 55/2008/CT-BGDĐT ngày 30-9-2008 về tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng CNTT trong ngành giáo dục giai đoạn 2008-2012*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT, ngày 30-5-2011 quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*, Hà Nội.
5. Nguyễn Vĩnh Khương (2012), *Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.
6. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2007), *Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường Đại học Sư phạm trọng điểm Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*.
7. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2008), *Quyết định số 113/QĐ-KHCN&SDH ngày 19-2-2008 quy định tạm thời về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-02-2013; ngày phản biện đánh giá: 15-3-2013;
ngày chấp nhận đăng: 19-4-2013)